

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **895/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-8-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Lê X**, sinh năm:1970.

Nơi ĐKKHKT: Số 135/28 Lê Văn Quới, Phường B T Đ, quận B T,Thành phố Hồ Chí Minh.Hiện tạm trú tại số 21,Đường 6A, Khu dân cư Đại Phúc, xã B H, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.(Ông X có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm: 1968.

Nơi ĐKKHKT: Số 135/28 Lê Văn Quới, Phường B T Đ, quận B T,Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tạm trú tại số 21, Đường 6A, Khu dân cư Đại Phúc, xã B H, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.(Bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Lê X trình bày, theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 03 năm 2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Phương T chung sống vợ chồng từ năm

1994, đến năm 1995 mới làm đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 303/TH, quyển số 02/1995 ngày 26/06/1995 do Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian và có 02 con chung là : 1/ Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 09/12/1993 đã lập gia đình. 2/ Nguyễn Lê Tiến Đ, sinh ngày 02/01/1995 hiện đang du học nước ngoài, cả hai con điều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của hai vợ chồng không còn phù hợp, bà Trúc có những quan hệ tình cảm với người đàn ông khác không rõ ràng, mặc dù ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà T vẫn không từ bỏ cho rằng như vậy là bình thường, làm ông bị tổn thương suốt một thời gian dài, hiện nay mặc dù đang chung sống cùng nhà nhưng thực tế đã ly thân hơn một năm nay. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà T và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho ông được ly hôn với bà T để bà ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 09/12/1993 đã lập gia đình. Nguyễn Lê Tiến Đ, sinh ngày 02/01/1995 hiện đang du học nước ngoài, cả hai con điều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: Bà cũng xác nhận phần trình bày của ông Nguyễn Lê X về thời gian chung sống vợ chồng và việc đăng ký kết hôn cũng như con chung là đúng sự thật, vợ chồng những mâu thuẫn như trên là có nhưng bà cho rằng việc bà quan hệ tình cảm với bạn bè như vậy cũng bình thường không có gì là sai trái, nhưng đã có nhiều lần ông X ghen tuông vô cớ đánh đập bà ngay cả khi chưa lấy nhau, tuy nhiên bà vẫn còn rất thương ông X nên không đồng ý ly hôn, đối với việc vợ chồng ly thân là có do ông X chủ động mặc dù nhiều lần bà đã cố gắng làm lành nhưng ông X không chấp nhận do đó, bà cũng xác nhận vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên bà vẫn không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 09/12/1993 đã lập gia đình. Nguyễn Lê Tiến Đ, sinh ngày 02/01/1995 hiện đang du học nước ngoài, cả hai con điều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

***Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn ông X, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và khẳng định không còn tình cảm và không còn hòa hợp lại chung sống với bà Trúc được nữa, mong được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng lo cho bản thân, về chung tài sản chung ông không yêu cầu giải quyết, nợ chung ông xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T, không đồng ý ly hôn, nhưng bà cũng thừa nhận khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng là không còn, nhưng do vợ chồng

đã lớn cần có sự chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị được đoàn tụ, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không nợ ai và không cho ai vay nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Lê X khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T là vụ kiện về việc “Ly hôn”, xét thấy ông X và bà T có đăng ký kết hôn căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 303/ TH, quyển số 02/1995 ngày 26/06/1995 do Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Yêu cầu ly hôn của ông X được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Bị đơn bà T hiện cư trú tại Số 21, Đường 6A, Khu dân cư Đại Phúc, xã B H, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét đối với yêu cầu của ông Nguyễn Lê X về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T. Là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ.

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và phần trình bày, xác nhận của ông X và bà T tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông X bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của hai vợ chồng ông X bà Trúc không còn hòa hợp nhau, hiện đã ly thân, tại phiên tòa cả hai bên ông X bà Trúc đều xác nhận vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ 1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc ...Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”. Tại phiên tòa bà Trúc cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn tình cảm, do đó yêu cầu ly hôn của ông X là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Trúc không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được phương hướng giải pháp nào khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng hiệu quả, ngoài lời khai trình bày thì bà Trúc cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho những phần trình bày trên là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “..Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Căn cứ quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu ly hôn của ông X là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 09/12/1993; Nguyễn Lê Tiến Đ, sinh ngày 02/01/1995 đã trưởng thành. Nên hội đồng xét xử không xét.

Xét về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông X phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046355, ngày 15 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 6, Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 91, 147, 200, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 8, 9, 51, 53, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê X được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 303/TH, quyền số 02/1995 ngày 26/06/1995 do Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 09/12/1993; Nguyễn Lê Tiến Đ, sinh ngày 02/01/1995 đã trưởng thành.

3. Xét về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Lê X phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046355, ngày

15 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông X đã nộp đủ án phí.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự ông Nguyễn Lê X và bà Nguyễn Thị Phương Trúc có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHA DS H. Bình Chánh;
- UBND Quận 8, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Phước Trường